

SỐ 2117

LUẬN TAM GIÁO BÌNH TÂM

BÀI TỰA

Mặt trời mặt trăng và các sao tô điểm bầu trời, vẫn luôn soi sáng từ ngàn xưa. Trăm sông cùng chảy về biển, đều cùng một vị mặn mà mất tên các sông. Sự hưng khởi của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo cũng đã lâu dài, đồng thời truyền bá ở đời và giáo hóa thành tựu thiên hạ. Bàn về gốc tích thì chưa từng chẳng khác. Suy theo lý thì chưa từng chẳng đồng. Một mà ba, ba mà một. Không thật có nhưng lại thân sơ. Nên Pháp sư Viên ở Cô Sơn nói: “Tam giáo như cái vạc có ba chân, thiếu một không thể được”. Thật là luận cứ xác thực xưa nay vậy. Tiếc thay! Những người chấp gốc tích mà quên Đạo lý, đến nỗi bài bác lẫn nhau. Đạo Vô Vi của bậc Tiên thánh trở thành đầu mối của sự phân chia tranh chấp, thật đáng buồn than! Lý luận do Học sĩ Tử Quán Tĩnh Trai soạn thuật, ngôn từ đơn giản, lý lẽ rõ ràng, rất mực tốt đẹp. Suốt thâu nguồn sâu của Nho giáo, Đạo giáo, khai mở sự huyền bí của Phật giáo. Biện luận xóa tan mọi thứ nghi ngờ, chọn phải bỏ quấy, chưa từng chẳng xuất hiện nơi công luận. Thí như ở trên bàn cân, nặng nhẹ không sai. Đứng trước đài gương, đẹp xấu không thể che dấu. Nay luận này được soạn ra, bởi có lý do như vậy, cùng với cư sĩ Ngô Đỉnh Lai ở Thành thật Đường, hiểu biết vượt xa Đồng bạn, rất mực Công bình (Đồng bạn xuất xứ từ sử ký, cho rằng lời ý hợp nhau, nên kết thành bạn lành) bảo thợ khắc thù để truyền bá, vì muốn cho mọi người xem đọc. Như các vị hiền sĩ ở đời Đường, đời Tống là Bạch Cư Dị, Trương Thương Anh v.v... Xét soi chỗ chí lý mà thẳng đến.

Mé thật đồng thoát trần lụy, đâu phải ít bỏ ích!

Thời Lang Tập, thượng tuần tháng 7 mùa Thu năm Giáp Tý.

Kính tựa.

LUẬN TAM GIÁO BÌNH TÂM

Tình trai học sĩ Lưu Mật soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Thường thấy ở Trung Quốc có ba tôn giáo. Từ thời Phục Hy vẽ hoạ đồ Bát Quái mà Nho giáo bắt đầu có từ đó, từ khi Lão Tử soạn Đạo Đức Kinh thì Đạo giáo bắt đầu có từ đó. Từ khi vua Minh Đế đời nhà Hán nằm mộng thấy người vàng thì Phật giáo bắt đầu có từ đó. Ấy là khởi đầu ở Trung Quốc có tam giáo, đại để, Nho giáo dùng “Chánh” để lập giáo, Đạo giáo lấy “Tôn” để lập giáo và Phật giáo lấy “Đại” để lập giáo. Xét về sự thích sống, ghét chết thì đồng một chữ “Nhân”, xem người như mình đồng là của chung, trừng trị sự giận giữ, lấp bịt dục tình, ngăn ngừa tội lỗi, đồng một tiết tháo tu hành. Sấm sét nổ rền tai kẻ điếc, mặt trời mặt trăng soi sáng những kẻ mù loà nên đồng một phong hóa. Nói về dấu vết thô sơ thì lý thiên hạ không vượt quá hai đường thiện ác. Và ý nguyện của Tam giáo thì không ai chẳng muốn theo về đường lành. Nên vua Lý Tông soạn “Nguyên Đạo biện” có nói: “Dùng Phật giáo để trị tâm, dùng Đạo giáo để trị thân và dùng Nho giáo để trị đời”. Thật biết được tâm, thân và đời, không cho có một thứ không trị nên Tam giáo đâu cho có một chẳng lập. Cư sĩ Vô Tận soạn bộ “Hộ Pháp luận” nói: “Nho giáo trị bệnh ngoài Da, Đạo giáo trị bệnh mạch máu và Phật giáo trị bệnh xương tủy”. Thật biết được ngoài da, mạch máu, và xương tủy không cho có một không chữa trị, như vậy thì trong Tam giáo đâu cho có một không thực hành?

Nho giáo ở Trung Quốc dùng cương thường để hợp chánh, dùng Nhân luân để soi sáng, Lễ, nhạc, hình, chính bốn thứ đều thành đạt không trái ngược. Trời đất muôn vật an bài đúng vị trí mà dưỡng thành, nên Nho giáo có công rất lớn đối với Thiên hạ. Vì vậy mà Tần Thủy Hoàng muốn phế bỏ Nho giáo nhưng Nho giáo không bao giờ bị phế bỏ.

Đạo giáo ở Trung Quốc khiến người trong sạch, tự giữ mình thấp hèn, yếu kém. Rửa sạch thói quen lãng xăng lộn xộn mà trở về cảnh giới vắng lặng vô vi, Đạo giáo giúp ích cho thế giới cũng rất lớn. Vì

vậy Vua Lương Võ đế muốn dẹp bỏ Đạo giáo mà Đạo giáo không bao giờ bị phế bỏ.

Phật giáo ở Trung Quốc khiến người bỏ hoa mà trở về với trái, trái ngụy trở về với chân, do lực hành mà tạo được an lạc, do tự lợi mà đạt đến lợi tha. Phật giáo là nơi nương tựa của Nhân sinh, không gì bằng được, nên ba vua họ Võ muốn dẹp bỏ Phật giáo mà Phật giáo không bao giờ bị phế bỏ.

Lý Sĩ Khiêm đời Tùy luận về Tam giáo, nói rằng: “Phật giáo như mặt trời, Đạo giáo như mặt trăng và Nho giáo như năm sao sáng. Đâu khác gì ba thứ ánh sáng ấy giữa bầu trời, thiếu một cũng không thể được. Tuy ba tôn giáo đó có sự hơn kém bất đồng, nhưng cốt yếu không nên nghiêng lệch một phía nào mà phế bỏ. Nhưng vì người đời có tâm khác, tâm có thấy khác, những người mến mộ Đạo giáo thì cho rằng Đạo giáo không tôn quý bằng Phật giáo. Những người theo Phật thì cho rằng Đạo giáo không lớn bằng Phật giáo. Các nhà Nho sống trong cái chánh, bài bác cả Phật giáo lẫn Đạo giáo, cho đó là dị đoan, đâu phải kia quấy, hơn một ngàn một trăm năm trở lại đây đã vậy. Tôi lấy sự sáng suốt để bàn luận vấn đề ấy. Thiết nghĩ không thể bàn luận theo tâm riêng tư, không thể bàn luận theo tâm thương ghét. Chỉ có tâm niệm bình đẳng, cứ xét công đức cùng cực của các tôn giáo thì có thể rõ lẽ rõ ràng. Bởi vì Công đức cùng cực là chỗ thâm nhân kết quả vậy, mọi sự vật trong thiên hạ đều có công đức cùng cực. Chân lấm tay bùn là việc của Nông phu cày cấy, đến lúc kho lẫm lúa thóc tràn đầy là công đức cùng cực của kẻ nông phu. Ăn ngủ dọc đường là việc của kẻ buôn bán, đến lúc vàng bạc đầy rương thì đó là công đức cùng cực của người buôn bán. Đối với Tam giáo giáo cũng như thế, Nho giáo có công đức cùng cực của Nho giáo, Đạo giáo có công đức cùng cực của Đạo giáo, và Phật giáo có công đức cùng cực của Phật giáo, từ công đức cùng cực này mà xét về sự hơn kém thì không đời phải bàn luận mà tự rõ.

Từ đó mà xem xét thì giáo lý của Nho giáo là từ một cá nhân đến một gia đình, từ một gia đình đến một quốc gia, từ một quốc gia đến khắp bốn biển và đầy khắp sáu hợp. Có thể gọi là Nho giáo giữ gìn phép tắc mà thực thi rộng ra. Nếu như ngoài bốn biển sáu hợp thì như thế nào: “Nho giáo nói: Từ Đông dần dần đến Tây, và dừng lại ở bốn biển, sự rất xa này không quá đến bốn biển thì dừng lại ở đó, không còn xa hơn nữa”. Giáo lý nhà Nho thì như vậy, nên các nhà học Nho là Tôn tâm dưỡng tánh, hành nhân giữ Nghĩa, thuần túy là một kẻ sĩ đầy đủ đạo đức và hoàn toàn tốt đẹp. Thế mà có những người bỏ cả sự nghiệp

để phò vua, thấm nhuần muôn dân, giữ yên quốc gia mà lập nên xã tắc. Có thể giúp cho thế giáo mà đạt đến thái bình. Khi công danh thành đạt thì thân già suy, tên tuổi được ghi vào trang sử xanh. Công đức cao tốt của đạo Nho chỉ thế thôi. Tăng Tử nói: Sau khi chết là rất xa, bởi vì đến chết là rất cùng vậy!

Giáo lý của Đạo giáo là ngay thân ta mà thông suốt cõi tối tăm, từ cõi người mà vượt qua cả cõi trời, từ núi rừng sâu thẳm mà đến các cung điện vàng ròng, xa tít mù khơi. Có thể gọi là vượt Phàm lên Thánh vậy. Song, ngoài trời đất tạo hóa ra thì thế nào? Đạo giáo cho rằng: “Lớn thì cùng khắp cõi trời, nhỏ thì có thể vào trong hạt bụi nhỏ”. Như vậy, cùng cực của lớn không vượt qua cùng khắp cõi trời. Cõi thì hạn cuộc ở đây, mà ngoài hạn lượng ấy phải chỗ dự biết của Đạo giáo, giáo lý của Đạo giáo là như thế, cho nên người học đạo tinh thần chuyên nhất, động hợp với vô hình, an nhiên nơi cảnh giới thanh tịnh ít muốn mà bỏ cũ nhận mới, dành chứa công hành hạnh. Có thể thi giải, có thể bay bổng giữa không trung, có thể sai bảo Quỷ thần và nổi gió. Có thể ca ngợi tạo hóa mà lập huyền công, sống lâu vô cùng, vui sướng tự tại. Công đức cao tốt quả của Đạo giáo như vậy mà thôi. Trong Huỳnh Đình kinh nói: “Có sống lâu mới được bay đi”. Bởi vì đạt đến sống lâu là cùng cực vậy.

Giáo lý của nhà Phật là khi một Đức Phật ra đời thì Tam thiên đại thiên thể giới đều là cõi nước y báo. Nếu nói theo một thế giới thì trong một thế giới có núi Tu-di từ giữa biển lớn đứng trơ trội lên thẳng chín tầng trời xanh. Mặt trời, mặt trăng vòng quanh lưng chừng núi mà chia ra ngày đêm. Ở bốn phía núi Tu-di là bốn Biển lớn, phía Đông gọi là Phất-vu-đãi, phía Tây là Cù-da-ni, phía Nam là Diêm-phù-đề và phía bắc là Uất-đơn-việt. Trong bốn châu lớn, mỗi mỗi châu đều có ba ngàn châu nhỏ, thế giới này là Diêm-phù-đề. Nay, Trung hoa ở đây là một trong ba ngàn châu của Diêm-phù-đề ở phía Nam. Đức Thích-ca hạ sinh ở Ấn Độ là chính giữa của Nam châu. Ở phía trên núi Tu-di chỗ gần mặt trời, mặt trăng, gọi đó là Trời Đế Thích, lại lên trên khoảng hư không an trụ trong sáng, mây phủ bốn tầng, tất cả gọi đó là Cõi Dục. Từ lớp mây ấy trở lên có mười tám tầng trời nữa, gọi đó là Cõi Sắc, từ khoảng không ấy lên trên thêm bốn tầng nữa, gọi là cõi Vô Sắc. Tất cả chúng sinh ra trong ba cõi đó đều bị sinh già bệnh chết. Đó là một Thế giới, một ngàn thế giới như vậy gọi là một Tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên Thế giới như vậy gọi là một Trung thiên, tức một trăm muôn. Và một ngàn Trung Thiên thế giới như vậy gọi là một Đại thiên, tức một trăm ức. Vì ba lần một Ngàn, nên gọi là ba ngàn Đại thiên, kỳ thật chỉ

một Đại thiên. Trong một Đại thiên có trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng và trăm ức tứ thiên hạ. Như có một trăm muôn đồng tiền nhỏ, cứ mỗi thế giới đặt một tiền, đến hết trăm muôn đồng tiền ấy mới là một Đại thiên thế giới. Đó là cõi nước y báo của một Đức Phật vậy. Khi một Đức Phật xuất hiện thì trong trăm ức thế giới có trăm ức thân đồng thời xuất hiện. Nên trong Kinh Phạm Võng nói:

*“Mỗi Hoa trăm ức nước, mỗi nước một Thích-ca
Đều ngồi cõi Bồ-đề, cùng lúc thành Phật đạo
Ngàn trăm ức như vậy, Lô-xá-na bản thân
Ngàn trăm ức Thích-ca, đều có chúng bụi nhỏ”*

Đó gọi là ngàn trăm ức Hóa thân vậy. Dùng trăm ngàn ức hóa thân mà hóa độ tất cả các loài chúng sinh từ noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng cho đến chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng trong ngàn trăm ức thế giới đều khiến được độ. Đó là giáo lý của Phật giáo vậy.

Nên người học Phật rõ biết năm uẩn đều không, gạn lọc thanh tịnh sáu căn, xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều thiện, quán bốn niệm xứ, thực hành bốn pháp chánh cần, dứt bỏ sáu mươi hai kiến chấp và tà ngụy không chỗ dung chứa, dứt bỏ chín mươi tám kiết sử, phiền não chẳng thể làm rối loạn. Ba ngàn oai nghi, tám muôn hạnh nhỏ đều giữ gìn cẩn thận, bốn thân vô lượng, sáu Ba-la-mật thường dùng để huân tu. Trong suốt thời gian tu hành đó, có người vì Pháp quên mình, như lột da chích máu chếp kinh, chặt tay, gieo mình xuống vực để tham hỏi mà chẳng khiếp sợ chẳng nghi ngờ. Vì chúng sinh quên mình thì như chịu khổ cắt thịt mình cho chim ưng ăn, bỏ mạng để cứu hổ đói mà không sợ hãi. Tiền tài của báu nước thành vợ con, vất bỏ như giày rách. Chi tiết chân tay đầu mắt tủy não, xả bỏ như cởi áo. Từ đời này đến đời khác, trải qua trăm ngàn muôn ức đời mà tâm này không lui sụt, từ kiếp nọ sang kiếp kia trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp nhưng tâm này càng tinh tấn. Do đó, qua ba A-tăng-kỳ kiếp, hạnh quả viên mãn, công đức viên mãn, lià bốn câu, bốn câu nghĩa là các Pháp chẳng tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, chẳng chung cùng, chẳng phải vô nhân, cho nên nói vô sinh dứt bách phi. Thông đạt vô lượng vô biên Pháp môn, khéo vào được vô lượng vô biện tam-muội, thành tựu năm căn năm lực, đầy đủ ba đạt ba minh, hiển bày bốn trí ba thân, vượt chướng sáu thông năm nhãn. Được bốn biện tài vô ngại, giảng nói vô cùng, vào bốn như ý phần, thần thông tự tại. Tám thắng xứ, tám giải thoát thường được hiện tiền, bốn món vô

uý, bốn pháp nhiếp thọ dụng không cùng, tám chi thánh đạo, mười tám pháp bất cộng, không đồng với ba thừa, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, pháp thân trang nghiêm nhiệm mầu, kiếp số như bụi nhỏ đời Quá Khứ, kiếp số như bụi nhỏ đời vị lai, không đời kiếp nào không thấy rõ. Hiện tại, chúng sinh trong các thế giới nhiều như cát bụi, tâm như cát bụi thấy đều biết rõ. Viên minh mười hiệu tôn quý, vượt ngoài ba cõi. Đó là Nhất thiết chủng trí, đó là trời trong các trời, là Pháp vương vô thượng, là bậc Chánh đẳng Chánh giác. Vượt khỏi các thứ phương tiện, đầy đủ mười lực, trở lại cứu độ chúng sinh trong khắp Pháp giới. Đó là công đức cao tốt của Phật, đến như thế.

Kinh Pháp Hoa chép: “Đức Như Lai vì một việc lớn Nhân duyên mà xuất hiện ở đời, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều thành Phật Đạo”. Bởi vì Đại nguyện, Đại lực ấy thế nguyện cùng tất cả chúng sinh đều chứng Diệu quả Niết-bàn Vô thượng. Cho nên, bàn luận về Tam giáo, không thể dùng tâm riêng tự để bàn luận, không thể dùng tâm ưa thích hay oán ghét để bàn luận, chỉ có tâm niệm hoàn toàn bình đẳng nghiên cứu đến công đức cao tốt của Tam giáo, thì biết những người học Nho ở đời thành đạt kết quả, bất quá là rủ bỏ công danh vậy. Người học theo Đạo ở đời, thành đạt kết quả, bất quá là đạt được sống lâu vậy. Và người học Phật ở đời có thể thành đạt kết quả có thể chấm dứt được sinh tử, rốt ráo Niết-bàn, độ khắp chúng sinh đều thành Chánh giác. Nên sự hơn kém ở Tam giáo hẳn đã hiển bày thấy rõ. Vì vậy, từng thí dụ như sở hành của Nho giáo là trong một nước, sở hành của Đạo giáo là khắp trên trời và ở nhân gian. Sở hành của Phật giáo là khắp cùng hư không khắp Pháp giới. Nho giáo, giống như bình trị một nhà, chỉ trong phạm vi bốn bức tường, những gì ngoài bốn bức tường đều không được kêu gọi. Đạo giáo như đứng đầu một thôn ấp cho đến bốn phía địa vực của thôn ấp, ngoài phạm vi bốn phía ấy thì bị khống chế, không được tự do. Phật giáo thì bao la, có cả bốn biển, là vua của thiên hạ, khắp cả trời đất, không ai chẳng là Thần dân, lễ nhạc, chinh phạt thấy đều do tự mình phát ra. Đó là bàn luận về sự rộng hẹp của Tam giáo. Người học Nho sau khi chết rồi, mọi việc chỉ trong một utrã, năm, người học Đạo giáo, mục đích là cầu sống lâu đến ngàn muôn dặm. Người học Phật muốn dứt bỏ sinh tử, trạm nhiên thường trú, bởi vì trải qua kiếp số như bụi nhỏ, không có cùng tận. Nho giáo như một ngọn đèn chiếu sáng một đêm, đến lúc canh tàn chuông điểm thì dầu khô đèn tắt. Đạo giáo thì như ngọn đèn đốt sáng được trăm năm của vua A-xà-thế làm để cúng dường xá-lợi Phật, được trăm năm rồi, đèn ấy cũng sẽ tắt mất, Phật giáo

thì như ánh sáng mặt trời chiếu soi, từ ngàn xưa vẫn thường soi sáng, lặn ở phía Tây, mọc ở phía Đông mãi tuần hoàn không dứt. Đó là sự bàn luận về thời gian lâu mau của Tam giáo.

Từ đó mà biết rằng có Pháp thế gian và Pháp xuất thế gian. Nho giáo và Đạo giáo là Pháp thế gian, còn Phật giáo thì khởi đầu là Pháp thế gian mà cuối cùng là để hiển bày Pháp xuất thế gian. Vì sao gọi đó là thế gian? Kinh Hoa Nghiêm nói: “Có thiên thế gian, có nhân thế gian, có Diêm-ma vương thế gian. Trong ba cõi đều gọi là thế gian vậy. Có Pháp đây khiến người luân hồi tuần hoàn không thôi, không ra khỏi ba cõi, gọi đó là Pháp thế gian. Giác tánh nhất chân khắp cùng trong mười phương, ba cõi không thể ràng buộc được, gọi đó là Pháp xuất thế gian.

Đức Phật dùng năm thừa để lập giáo, hai thừa đầu gọi là Nhân thừa và Thiên thừa và đó là Pháp thế gian. Ba thừa sau là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa là Pháp xuất thế gian.

- Pháp của nhân thừa là năm giới:

1. Không giết hại, nghĩa là phải tôn trọng sự sống, không được hung bạo đối với mọi vật, không chỉ không ăn thịt nó.
2. Không trộm cướp, nghĩa là vật phi nghĩa chẳng lấy, không chỉ không trộm cướp vật của người khác.
3. Không tà dâm, nghĩa là không loạn dâm với những người chẳng phải là chồng hay vợ mình.
4. Không nói dối, nghĩa là không dùng lời nói khinh người.
5. Không uống rượu, nghĩa là không say sưa, mà tu tâm, giữ được năm giới này tức là gây nhân làm người. Ngũ thường của Nho giáo cũng chính là ý nghĩa này vậy.

- Pháp của Thiên thừa tức là mười điều lành:

- 1, 2, 3, 4, bốn Pháp này ý nghĩa đồng như bốn giới đầu trong năm giới.
5. Không nói thêu dệt, nghĩa là không tra chuốt những lời nói sai sự thật.
6. Không nói lưỡi đôi chiều, nghĩa là nói việc người khác sau lưng họ.
7. Không nói lời thô ác, nghĩa là không mắng chửi, cũng là lời nói không Đạo đức, không nhân nghĩa.
8. Không ganh ghét, nghĩa là không ganh tỵ.
9. Không tức giận, nghĩa là không có tâm sân hận.
10. Không ngu si, nghĩa là phải biết rõ đối với mọi việc thiện ác.

Người tu cả mười pháp lành này, thì kết thành quả báo sẽ sanh lên cõi trời. Chín chân Diệu giới của Đạo giáo cũng chính là ý nghĩa này. Nhân thừa tức là nơi gieo nhân con người, Thiên Thừa là nơi gặt hái kết quả của các cõi trời vậy. Đó là Pháp thế gian, Tam giáo đều có được. Còn ba thừa sau dẫn dắt đồ chúng đến chỗ siêu nhiên và xuất thế. Khiến thiện ác đều mất, thẳng đến mé chân, thần và thông ở Thế gian không thật có mà nhìn thấu suốt.

Hoặc có người thấy được “Khúc Học A Thế” của Công tôn Hoàng hay “Ngũ Kinh tảo địa” của Chúc Khâm Minh, hay Diệu lý của Dương Tử Vân Minh Thái Huyền mà ton hót Hán Công. Hứa Kính Tông biết Nghĩa của Đế Khâu mà mất thân nữ chúa, đó đều phát sinh từ Nho giáo. Đạo sĩ Thử nữa đem vào giờ tý bày huyền thuật mà khi đối Đông Pha. Lâm Linh Tố dùng thần tiên mà mộng hoặc Huy triều. Thần tiên trên trời có Trịnh Hóa Cơ mà thật là một kẻ ngu hèn, thần tiên dưới đất có Hà dắc Nhất, nhưng thật là một thường dân. Đó đều phát xuất từ Đạo giáo. Hồ Tăng chú thuật mà không thể giết chết Phó Dịch. Phật đá phát sáng mà không thể xem thường Trình Hạo. Răng Phật tuy linh mà vẫn bị bể dưới sừng dê của Phó Dịch. Răng Phật tuy thần nhưng vẫn tan hoại bởi lưỡi búa của Triệu Phụng. Đó đều phát xuất từ Phật giáo. Nói chung thì Tam giáo ở Trung Quốc đều chưa thể thuần túy hiển bày cái chánh chơn, làm sao mãi khư khư biện luận sự hơn kém ư? Hay là chẳng cần suy nghĩ lời tôi? Nho giáo dùng Cương Đại chánh trực để dạy người. Vì việc làm của Nho giáo phần nhiều trái với Đạo, đó đều là người tội của nhà Nho. Đạo giáo lấy thanh tịnh vô vi để dạy người. Vì phụng đạo mà cam tâm chịu theo tà thuật, đó đều là người tội của đạo giáo. Phật giáo lấy sự mền chuông mạng sống làm Tâm, không cho dẫm đạp lên cỏ tươi, mà cho rằng nói ngữ chú đề giết người được sao? Phật dùng vô tướng làm Tông, không thể căn cứ vào thân tướng mà thấy được Như Lai, mà cho rằng nương vào hòn Đá xanh để mê hoặc mọi người được chăng? Răng mà có thể bể nát, đá chẳng phải răng vậy. Răng mà có thể tan hoại, ngụy chẳng phải chân vậy. Phàm nương cậy vào giáo môn để bày ra yêu dị hư ngụy, đều là người tội trong nhà Phật vậy. Kẻ ngu hèn có thể chấp vào đó để bàn luận về Tam giáo ư?

Hoặc có Người lại thấy Đạo giáo có “Hóa Hồ Kinh”, lại cho rằng Thích-ca và Văn-thù là do Lão Tử Y Hỷ hóa ra. Thấy Phật giáo có “Luận Pháp Tà”, bèn cho rằng Phật sai ba đệ tử đến Trung Quốc để giáo hóa, trong đó, Khổng Tử là Bồ-tát Nhu Đồng. Nhan hời là Bồ-tát Tịnh Quang và Lão Tử là Ma-ha Ca-diếp. Xét như vậy thì sự hơn kém

trong tam giáo đâu để dùng lập luận để luận bàn ư? Khổ nỗi không biết, những người viết hai sách ấy mỗi mỗi đều tự tôn mình mà đè nén kẻ khác, cho nên chỉ dựa vào không mà mất đi sự thật.

Vương Phù soạn thuật “Hóa Hồ Kinh”, nói Lão tử và Y Hỷ muốn giáo hóa người nước Hồ để thành Phật, bèn biến thân thành Phật Thích-ca và Bồ-tát Văn-thù, mà sau đó, người Hồ (Ấn Độ) được giáo hóa. Vương Phù không nghĩ đến năm Phật ra đời là năm thứ 24 thời vua Chu Chiêu Vương và diệt độ ở năm thứ 52 thời vua Chu Mục Vương. Sau Phật diệt độ ba trăm bốn mươi hai năm mới đến thời Định Vương, Lão tử mới sinh ở tại huyện Sở Hồ, làm quan dưới thời Chu Trụ Vương, khi đến ải Hàm Cốc mới gặp Y Hỷ, lúc ấy Phật đã diệt độ hơn bốn trăm năm. Đạo giáo ở đời sau mà biến thân thành Phật ở đời trước. Đó là Đạo giáo không đủ để giáo hóa người Hồ, phải mượn Phật để hóa độ người Hồ, Quan Bộc Xạ Dương Tố đời Tùy nói rằng: nghe Lão quân đến giáo hóa người Hồ, người Hồ sẽ không tin nhận, bèn cùng Y Hỷ biến thân thành Phật, người Hồ mới tin nhận. Xét vậy thì Lão tử không thể giáo hóa người Hồ. Người Hồ phụng thờ Phật Tố Minh. Dương Minh lại thường nói cùng Đạo Lưu rằng: “Sao Lão tử không giáo hóa người Hồ vì Đạo mà hóa người Hồ rồi thành Phật?”. Há chẳng phải Đạo hóa không bằng Phật hóa sao?. Cho nên luận thuyết của Vương Phù là muốn khinh miệt Phật mà không dè rằng chính là đưa cao Phật lên.

Pháp Lâm soạn thuật “luận Pháp tà”, đại khái cho rằng Phật giáo thấu suốt cội nguồn của muôn Pháp mà Khổng tử, Lão tử là riêng bình trị trong một khu vực, cho rằng có thể dùng để ngăn dứt Tà thuyết mà khai sáng kẻ tối tăm, hay Pháp Lâm không nghĩ Khổng Tử và Nhan Hôi nhất định không phải Bồ-tát, Lão tử chẳng phải là Ca-diếp. Muốn mình là chánh, nên vu báng người khác, đâu có thể tự mình ra khỏi sự vu khống ấy ư? Nên cho rằng Khổng tử và Nhan Hôi là Bồ-tát, còn chưa quá lắm, còn chỉ cho Lão tử là Ca-diếp thì thật rất sai lầm vậy! Ca-diếp được truyền riêng giáo pháp, làm tổ kế đức Phật Thích-ca. Bấy giờ, sự Huyền diệu tối thượng nhất thừa không thể truyền nói, trăm vạn trời người từ xưa đều mê lầm, chỉ một mình Ca-diếp đạt ý Pháp ấy thôi. Lão tử đâu phải là Ca-diếp biến hóa? Nên Ca-diếp truyền Pháp cho A-nan rồi liền nhập định ở núi Kê túc, đợi đến lúc Đức Di-lặc ra đời, Ca-diếp vẫn chưa xuất định. Cho nên nhục thân của Ca-diếp hiện nay vẫn còn ở trong định. Đó đủ chứng minh Ca-diếp không xuất định biến thành Lão tử vậy. Nếu cho rằng Ca-diếp là Lão tử thì Lão tử là tổ sư của Thiên tông, chẳng là sai lầm sao? Vì vậy, luận thuyết của Pháp Lâm là muốn

khinh miệt Đạo giáo mà không dè rằng đó lại là tôn vinh Đạo giáo. Uổng lời soạn thuật, rất là giả dối vu khống. Người trí đâu dám nhận lấy ư?

Hoặc có người thấy Nguyên thánh tiên sinh nói: “Lời nói của Phật và Khổng tử làm trước sau lẫn nhau. Khổng tử và Phật vốn là một, chỉ vì môn đình thi thiết khác nhau”. Đó là Phật giáo và Nho giáo không hề chẳng hợp nhau vậy. Cư sĩ Khuê Đường nói: “Phật là sự cao tột của Tánh Đạo, là sự cao tột của Mạng, hai bên đối lập để giao tiếp thì sự nhiệm mầu của tánh mạng tiểu thiên mới hoàn toàn”. Đó là Phật giáo và Đạo giáo không hề chẳng đồng nhau. Thơ của phó Đại sĩ chép: Đội mũ Đạo giáo, mang giày Nho giáo, mặc ca-sa Phật giáo, hòa hợp ba nhà thành một nhà, Ba giáo này không hề không hợp thành một. Nay chỉ trưng bày ưu việt của Phật giáo mà chỉ trích khuyết của Nho giáo và Đạo giáo thì đâu hợp với ý của các bậc tiền hiền? Chỉ khổ nỗi không biết lời nói của các bậc tiền hiền là phương tiện của các Ngài vậy.

Các nhà Nho được thời hành Đạo, nhậm chức ở quan, quyền hành ban cho hay chiếm đoạt, không gì chẳng từ trong tay họ. Nếu chúng ta tôn trọng Phật giáo mà khinh miệt Nho giáo, thì họ sẽ cậy vào Nho giáo mà đè ép Phật giáo. Lý Đức Dụ là tướng của Võ Tông phá hủy hơn bốn mươi ngàn ngôi chùa, ai là kẻ thật sự chủ mưu việc đó? Đạo gia nói Đạo là Đạo của họ, Đức là Đức của họ, trong tâm suy nghĩ, không khiến người được mà đè ép mình. Nếu chúng ta tôn trọng Phật giáo mà xem thường Đạo giáo, thì họ sẽ tôn trọng Đạo giáo mà Phế bỏ Phật giáo. Thôi Hạo tin theo Khẩu Khiêm Chi mà giết Sa-môn, đốt bỏ kinh sách. Các việc ấy ai thật sự gây ra? Nên nhớ như dùng Tâm Phương tiện mà nói Phương tiện. Cho rằng Phật giáo hợp với Nho giáo thì ngõ hầu không kích động sự tức giận của Nho giáo. Cho rằng Phật giáo đồng với Đạo giáo thì ngõ hầu không khơi dậy sự tranh chấp của Đạo giáo. Cho rằng Tam giáo đều có thể hợp thành một, thì như Nho giáo, Đạo giáo đều có thể dẫn dụ mà đến với Đạo Phật, nên cho rằng lời nói của các bậc tiền hiền là phương tiện của các bậc tiền hiền. Nhưng những kẻ ưa thích bàn luận ở đời, trong tâm mỗi người đều có chủ tâm nhiều tranh chấp, Nho giáo yếu kém thì bàn luận về Nho giáo, Đạo giáo yếu kém thì bàn luận về Đạo giáo, Phật giáo yếu kém thì bàn luận về Phật giáo. Tam giáo tuy bất đồng mà dự vào bàn luận thì chỉ có một. Tôi đem tâm bình đẳng để bình luận, thiết nghĩ cho sự bàn luận đó thật là đáng tội, thì họ nói không dung thứ đối với kẻ không khuất phục. Bàn luận với sự thật thì đã nói có khi tự khuất phục. Đó chẳng phải là đắc thất chí lý mà

thôi và thiên hạ đời sau cũng không thể vu cáo vậy.

Nay xem xét sự bàn luận về Nho giáo thì Kiều Mã Thiên nói: “Nho giáo tuy rộng rãi mà ít quan trọng. Vì vậy, lao nhọc mà vô công.” Chỉ nỗi không suy nghĩ không biết vật là điều xấu hổ của bậc Quân tử, mà Đạo lý trung thứ dùng để xuyên suốt tất cả, nên gọi đó là ít quan trọng. Chăm lo nương mình suốt năm có thể gọi là lao nhọc, nhưng mà tu thân cho đến bình gia khắp cả thiên hạ, gọi đó là vô công được sao? Bởi vì sở học của Kiều Mã Thiên không phải là Nho học nên Kiều Mã Thiên không đủ để biết về Nho.

Trình Di là một nhà Nho, ông luận bàn về Phật giáo thì cho là Tà vạy yêu dị ngăn che tai mắt mọi người. Bởi vì Pháp Phật nói thì không bờ bến mà sự hiểu biết của Trình Di thì có giới hạn. Đối với Hê Dục mà bàn về kiếp sống, nên dùng Tà vạy yêu dị làm mờ mắt nó vậy. Nhưng Trình Di cũng thường trở lại suy nghĩ điều đó, Tà vạy yêu dị đối với Nho giáo thì có vậy. Kinh Dịch nói: “Thấy lợn vác bùn, một xe chở quý”. Kinh Thi nói: “Mạng Trời huyền diệu, chim bay lại mà sinh nhà Thương”. Sử nói: “Đến năm Giáp thân, ất đậu thì Cá, Dê ăn thịt người.” Truyện nói: “Tê Hâu thấy người đứng lên như heo mà khóc, đến lúc thân giáng vào Tân thạch thì nói đến thời nhà Tấn. Ngụy Khỏa thấy người già, Chôn Cáo chợt gặp Khỉ sinh”, gọi là Tà cũng được, gọi là yêu cũng được, là dị cũng được. Kinh Thi nói: “Đế Bảo Văn Vương rằng: Ta ôn hoài Minh Đức, trời chẳng nói từ lâu, bỗng nhiên có nói, người sao được mà nghe? Nay ta giữ mãi lời nói đó.” Nếu thấy được sự tiếp xúc nhau giữa tai và miệng ấy, thì không nói đó là tà vạy chẳng? Vì Trình Di bài báng tà vạy yêu dị mà tìm cầu cái tà vạy yêu dị của các nhà Nho. Bởi vì cái không thể được mà ngăn cản đó.

Nay xem xét sự bàn luận về Phật giáo, thì đời Đường, có Phó Dịch là người tinh thông các sách thuật số, giữ chức Chương ty Thiên. Trước sau có đến bảy lần dâng sớ phế bỏ Phật giáo. Thời đó, có Lý Sư Chính soạn bộ “Nội Đức Luận” để biện luận. Luận ấy nói: “Phó Dịch cho rằng Phật giáo vốn xuất phát từ Tây Hồ (Ấn Độ), không nên phụng thờ ở tại Trung Quốc”. Thật không đúng vậy, Phù do Dư đến Tây Nhung giúp Tần Mục để khai có nghiệp, nói: Đạn sinh ở bắc Dịch, hầu Hán võ mà trừ ách hại, đâu cần lấy đồng tặc ấy mà lại bỏ sự khác nơi chốn kia? Ngựa giỏi nhất đàn, chẳng phải sinh ở trong thôn ấp, vật quý báu ở đời chẳng phải vật của các loài hoa, vì thế nên nhà Hán tìm Ngựa giỏi ở Tây vực, vua Ngụy thâu nhật ngọc báu ở biển nam. Vật sinh ở xa còn quý trọng như thế, Đạo phát xuất từ nơi xa, làm sao mà có thể phế bỏ?

Nếu các phương thuốc xuất phát ở Nhung Di, Cấm chú Khởi ở Hồ Việt, có thể trừ bệnh trừ tà, đâu thể bảo nó từ xa lại mà không dùng? Phàm dứt trừ tám khổ, nếu dùng đến thuốc thường, đó là trừ bệnh đã lâu dài vậy, diệt ba độc để chứng Vô Vi thì đó là trừ Tà càng thành đạt vậy. sao phải câu nệ xa gần mà tính chuyện thân sơ? Phó Dịch nói: “Trong Kinh thi không nói đến”, vì là Tu-đa-la không đủ, cũng lại không nên. Vả lại, vật mà Chu Công Đán và Khổng Tử chưa nói thì nhiều vô cùng, và việc kinh Thi chưa chép lại lai láng vô hạn. Sao có thể câu nệ bó buộc trong lục kinh mà đặc biệt yếu chỉ chung của Tam thừa ư?

Đức Phật chưa hưng khởi ở thời thượng cổ, hàng Thánh nhân khai nghiệp ở hậu lai, cho nên Đổng Vũ đời đời chuông ở mà ở, đó là chế độ bó buộc ở thời đại văn tự. Tập tục ăn lông uống máu, tuy trước kia dùng, nhưng không phải quý. Công phu tạo lửa để nấu nướng thức ăn tuy có sau nhưng chẳng phải là xấu tệ. Đâu có thể lấy Kinh thi truyền bá trước mà đáng tôn sùng. Tu-đa-la có đến sau đáng xem thường ư? Phó Dịch nói: “Phật là khí của Yêu mị, chùa là nơi cúng tế dâm tà”. Đó cũng thật không biết suy nghĩ! Xưa kia, từ thời Đông Hán đến thời Đại Đường, đời đời đều cấm lời yêu, nơi nơi thấy dứt cúng tế tà vạy. Lẽ nào nhân xả bỏ của cải sức lực mà xây dựng điện đường của Ly mị, thả hàng sĩ Dân vào làm Đồ chúng của Vọng lượng? Huống gì các hàng tế bổ quan Cáo, nhân luân đạo đức, hàng Vua chúa suy lượng; bọn Đới Đạt Hứa Tuần đều để tâm mà kính tin, và vâng theo lời dạy mà quy y. Lẽ nào là tôn sùng yêu mị mà tự khuất phục sao? Chỉ bởi những hạng người ấy thấy được chỗ huyền diệu biết được điều Chơn nên khiến họ nhu vậy. Phó Dịch nói: “Đời nhà Triệu, nhà Lương đều có hạng tăng phản nghịch”. Đó lại là lời nói không suy nghĩ. Nếu dùng việc ngày xưa có hạng tăng phản nghịch mà phá bỏ các Pháp ngày nay. Đâu có thể vì xưa có thần phản nghịch mà nay chẳng dùng Dân sĩ thông minh, đâu thể vì xưa có dân loạn mà nay không nuôi dưỡng Dân đen? Học trò có tội đâu phải lỗi của thầy giáo. Tăng sĩ làm sai đâu phải lỗi của Đức Phật. Tăng can triều hiến ni phạm tục hình thí như tụng luật mà khoét vách, như đọc sách Lễ mà làm kẻ ở đậu. Chỉ nên răn cấm điều sai trái để mở mang Đạo Pháp, không thể vì người mà phá hoại Đạo. Phó Dịch nói: “Đạo Nhân đều là giống chim kiêu ác độc tham nghịch”. Đó cũng là lời nói không suy nghĩ. Phàm người bỏ tục tu Đạo, nên gọi là Đạo Nhân, đối với các loài bò bay máy cựa cũng không có tâm hại nó, huống gì hành động giống như chim kiêu chim kính ư? Lễ cưới xin còn bỏ không làm, huống là làm tâm loài cầm thú? Sao lại dẫn trích hàng

thượng nhân ly dục mà sánh với loài vật thấp kém lấm trần? Hủy mọi hạnh lành của Đại bi mà so với loài chim xấu bất tường? Lấy Đạo Nhân làm giống nghịch, so hàng Phạm hạnh với loài tâm dã thú. Phá hại sự tốt lành có gì hơn vậy ư? Phó dịch nói: “Người Hồ ở phương Tây nhân bần mà sinh, do đó nên phụng thờ bần ngói”. Đó cũng là lời nói không suy nghĩ. Vả lại, các miếu ở Trung Quốc thì xây dựng bằng gỗ là chính, đâu thể cho rằng chế lễ quân tử đều từ gỗ mà dựng thành ư? Đối với người thân không thể quên cho nên làm vị thần đứng đầu để biểu lộ lòng biết ơn vô cùng. Không thể quên Phật nên lập hình tượng để kính thờ như Ngài còn tại thế, khâm kính bậc thánh đức có gì mất mát ư? Phó Dịch nói: “Đế Vương không Phật thì nước bình trị lâu dài. Từ sau khi có Phật thì chánh sách bạo ngược, vận may ngắn ngủi”. Không nghĩ rằng Đức Phật thiết giáo, đâu lấp bít những việc bạo ngược loạn dâm. Bỏ-tát mở lời đâu mở mang những việc của vua Trụ, vua Kiệt. Cái Đức của Phục Hy, Hiên Viên, Đế Thuấn, Hạ Võ đều bao gồm trong sáu độ. Cái tội của Nghiê (?), Trác (?), Tân (?), Quý (?), tất cả đều là mười ác để giữ phòng giới cấm. Xoay về khiến vua Kiệt tuân theo giác lý mà ít muốn, vua Trụ thuận với Đại Đạo từ bi thì Y Doãn và LữThượng không thể dùng mưu của họ. Và Vua Thang vua Võ làm sao thực hành được kế của họ. Phó Dịch nói: “Trước lúc chưa có Phật thì mọi người thuần hòa, ở đời không bạo ngược”. Chẳng nghĩ rằng Cửu lê loạn đức chẳng phải là thời kỳ chưa có Phật, Tam Miêu (?) nghịch mạng chẳng phải sau khi đã có Phật. Cuối đời nhà Hạ nhà Ân làm gì có thuần hòa? Thời Xuân thu đâu phải không có việc bạo ngược! Giáo lý nhà Phật là khuyên thân trung tín, khuyên con hiếu hạnh, khuyến khích Quốc gia bình trị, gia đình hòa thuận. Mở rộng điều lành thì chỉ bày sự vui ở cõi trời, làm điều sai quấy thì chỉ bày cho thấy cái khổ ở chốn địa ngục. Ấy vậy mới đáng gọi là tổn thương hòa thuận mà thêm nhiều loạn lạc, đâu phải vu báng lấm thây! Và thương tổn gì đến Phật pháp ư? Chỉ tự đắm chìm trong biển khổ. Phàm đem những lời của Phó Dịch mà tha hồ phỉ báng hay đem luận lý của Sư Chính mà soạn thuật biện luận sai lầm, phải trái quanh co, đều rất rõ ràng, thiên hạ muôn đời đều có thể thấy.

Sau đó, có Hàn Dũ, người này bái bác Phật giáo cũng như Phó Dịch. Nguyên nói về cốt Phật, Hàn Dũ diễn giải chương sớ của Phó Dịch. Phó Dịch phỉ báng Phật giáo, trước kia có Sư Chính biện luận sự mê lầm của Phó Dịch. Còn Hàn Dũ phỉ báng Phật sau này, không một ai bàn luận đến lời quấy rối của Hàn Dũ cả. bởi vì Phó Dịch là quan Thái sư lệnh, là nghề nghiệp riêng biệt của ông ta. Hàn Dũ dùng văn chương

để diễn giải, hơn nữa, Hàn Dũ là một nhà Nho. Nói về nghề nghiệp thì có người khác cùng biện luận phải trái. Còn nhà Nho luận bàn thì thế tục thường không dám nói tới điều ấy ư? Theo tôi thì lời nói đúng lý tuy không phải là nhà Nho cũng phải tuân theo. Còn lời nói sai lầm vu khống, tuy của nhà Nho cũng có thể không theo. Hàn Dũ không rõ Đạo Phật mà lại luận bàn khiến ông ta nói ra dẫn đến sai lầm đời sau vậy.

Hàn Dũ nói: “Phật là một trong các Pháp của Di Địch”. Ông thấy Phật pháp từ Tây Vực truyền đến Trung Quốc, bèn theo đó mà phá hoại. Thật là không biết Phật sinh ở Thiên Trúc mà Ngũ Ấn là cùng đất chính giữa của Diêm-phù-đề ở phía Nam nên Phật giáo lấy đó làm trung tâm vậy. trong “Hậu Hán Thư” viết: “Phật đạo thân hóa phát xuất từ nước Thân Độc, nước đó thanh vượng phong nhiều hòa khí nên các nhà Nho cũng cho đó là chính giữa vậy. Vì thế mà biết đây có một Trung Quốc và kia cũng là một Trung Quốc, vậy mà gọi kia mọi rợ được chăng? Sự rộng lớn của trời đất thật không cùng tận vậy. Liệt Tử nói: “Vô cực lại vô cực, cô tận lại vô tận”, nên biết nó vô cực vô tận nhưng không biết nó có cực có tận. Vua A-dục cất giữ xá-lợi-Phật ở cõi Diêm-phù-đề có đến tám mươi bốn ngàn nơi, mà hiện nay ở Trung Quốc chỉ thấy một trăm mười chín chỗ, thì Trung Quốc đối với cõi Diêm-phù-đề đâu khác gì hạt gạo giữa trời xanh. Làm sao biết được đây thật là trung tâm mà kia chẳng phải là trung tâm ư? Cái thấy của Hàn Dũ thì chỉ biết trong phạm vi bốn biển chín châu là Trung Quốc. Ngoài bốn biển chín châu là bốn thứ mọi rợ. Ngoài ra, không còn biết có gì nữa, đâu biết ngoài bốn thứ mọi rợ ra còn có cái chẳng phải là mọi rợ! Cái thấy của Hàn Dũ như ếch ngồi đáy giếng mà nhìn trời. Trái lại, không phải vậy, trong Bắc sử viết về nước Đại Tần, cách Châu u mấy muôn dặm, ở ngoài các nước mọi rợ, ở nước đó, các thứ lễ nhạc áo mũ, chế độ văn chương, đều hưng thịnh như ở Trung Quốc, nên gọi là Đại Tần, và cùng như Đại Hán Xi. Do đó mà quán sát thì ngoài bốn thứ mọi rợ còn có Trung Quốc, mà ” Hậu Hán thư” gọi ” Thân Độc” là Trung Quốc vậy. Người tin được, hẳn không bài bác vậy. Ếch ngồi đáy giếng không đủ sức để nói về việc biển cả. Nên Phật giáo chẳng phải là chỗ mà Hàn Dũ có thể biết được vậy.

Hàn Dũ nói: “Vua Thuấn, vua Võ làm vua trăm năm, lúc đó tại Trung Quốc không có Phật, đến thời Hán Minh Đế mới có Phật pháp. Vua ở ngôi chỉ được mười tám năm”. Thật là không biết! Số hạn ngắn dài tùy thuộc nghiệp thiện ác, mà Quả báo thiện ác chung cho cả ba đời, nên nói” muốn biết nhân đời trước cứ xem sự hưởng thọ ở đời nay,

muốn biết quả ở đời sau hãy xem nhân gây ra ở Hiện tại”. Vì vậy mà biết sự ngắn dài ở đời này là do nghiệp thiện ác ở đời trước, và nghiệp thiện ác ở đời này lại làm nền tảng cho sự dài ngắn ở đời sau. Hưởng thọ ngôi vị Đế Vương lâu dài là do đời trước khéo làm việc lành nên vận may dẫn dắt đến thế. Còn đời trước làm ác, đâu thể theo đó mà lấy việc trước mắt để luận bàn. Lại nữa, đâu phải vì có Phật hay không Phật mà gây ra như thế ư? Đức Khổng Tử nói ” Người có đức Nhân thì thọ”. Vậy có đức Nhân thì chắc chắn sống lâu, người không có đức Nhân chắc chắn chết yểu. Vậy, khắc kỷ giữ lễ, đoái lại, có thể gọi là đức Nhân, mà đoái lại trái ngược chết yểu, sự can đảm của Quan đầu bếp có thể gọi là Bất nhân vậy. Đâu thể cho rằng lời nói của Đức Khổng tử không có kiểm nghiệm mà không theo sự chỉ dạy của Ông ư? Bộ ” Hồng Phạm” lấy năm Phước sáu Cực để dạy người. Hợp với Cực thì Phước mà thọ, trái lại với Cực thì Họa và Hung. Ngăn ngừa như vua Văn Đế và Cảnh Đế nhà Hán là vị chúa rất có đạo, chỉ có Hoàng Tác Cực, hai vua nên không hổ thẹn vậy. Mà Hiếu Văn Đế ở ngôi hai mươi ba năm, chỉ bốn mươi bảy tuổi, còn Hiếu Cảnh Đế ở ngôi chỉ mười sáu năm, bốn mươi tám tuổi. Tính theo lịch số đều chưa đến một đời, và sống ở đời chưa đến tuổi Hạ thọ. Đâu có thể nói thuyết trong ” Hồng Phạm” vu cáo mà đốt bỏ sách ấy đi. Chỉ có thể chứng minh bằng thuyết nhân quả mà kê cứu cả ba đời lâu dài, thì mới có thể rõ ràng không ngại vậy. Còn như Hàn Dũ cương quyết nói không có Phật mà hưởng thọ lâu dài thì vua Thuấn vua Võ làm vua cố nhiên đều đến trăm năm cả, nhưng Võ Tông đời Đường phá Phật, sao làm vua chỉ được sáu năm và chỉ ba mươi ba tuổi ư? Nếu nói có Phật mà chết yểu, thì Hán Minh Đế làm vua mới mười tám năm vậy, sao Lương Võ Đế kính thờ Phật mà làm vua bốn mươi tám năm và thọ đến tám mươi sáu tuổi ư?

Hàn Dũ còn nói: “Tôn giáo ngày xưa chỉ có một, ngày nay có đến ba, từ thời thượng cổ đến nay chỉ có Nho giáo, còn Phật giáo ngày nay tựa như bím vú vậy”. Thật là không biết, Phật giáo lập giáo đâu có trái với Nho giáo, nên Phật giáo dạy người cũng không khác Nho giáo vậy. Các nhà Nho mở mang giáo lý trong kinh thi, kinh thư, lễ, nhạc mà phụ vào đó bằng uy phước hình chính. Chẳng qua là muốn thiên hạ tìm đến hiền thiện mà lánh xa tội lỗi, cố nhiên có thưởng mà chẳng khuyến khích và trị phạt. Ấy là đề xướng Diện mạng mà không bao giờ đem dạy người, đến khi nghe Phật nói làm lành được Phước làm ác có tội, thì mọi người đều bỏ ác để làm thiện. Đó là Giáo lý của Phật giáo, đâu khác gì Giáo lý của Nho giáo ư?

Tống Văn Đế nói với Hà Thượng Chi: “Thích thấy Nhan Diên Tống Bình soạn luận phát minh Phật Pháp, rất là có lý, nếu khắp nơi đều thấm nhuần sự giáo hóa ấy thì Trẫm có thể ngồi khoanh tay đến khi thái bình vậy”. Hà Thượng Chi nói: “Một thôn; trăm nhà có mười người giữ năm giới thì mười người thuần cần, một ấp ngàn nhà có một trăm người tu theo mười điều lành, thì có trăm người hoà mục. Đem phong hóa ấy dạy khắp mọi nơi cùng cả ngàn ức thì người lành có đến trăm vạn. Nếu hay thực hành một việc thiện thì bỏ đi một việc ác, bỏ đi một việc ác thì dứt một hình phạt. Một hình phạt chấm dứt ở một nhà, thì muôn hình phạt chấm dứt ở trong nước, đó là điều mà Bệ hạ nói đạt đến thái bình vậy”.

Trong lời tựa bài Sớ Tống Sa-môn của Lý Tiết đời Đường nói: “Giáo lý Phật giáo lấy thanh tịnh hoạt hư làm thiên định, lấy nhu khiêm thối nhượng làm nhẫn nhục, nên oán tranh có thể dứt trừ. Lấy đạm bạc cần khổ mà tu hành, lấy cùng đạt thọ yêu làm nhân quả nên ít sai lầm mà được an vậy. Khấp luân thường thế tục, không có Phật giáo để cải hoà tâm người, thì kẻ mạnh phẫn chấn tính nghĩ việc đấu tranh, người trí lẳng lặng mà suy lường mưu kế, người ở nam bắc tương phân mà đồng khởi vậy”. Lữ Hạ Liêu được vào kinh đô nói: “Hàng tiểu nhân không sợ hình ngục, chỉ sợ Địa ngục. Nếu người trong thiên hạ đối với mọi việc lớn nhỏ đều có nhân quả thì đâu dám tự khinh tâm mình. Không có việc xâm lăng tranh đoạt thì đâu không xếp đặt mà khổ nhọc trị đời ư?” Do đó mà quán xét thì Phật giáo có sự giúp sức trong việc giáo hóa thế gian rất lớn vậy. Và đâu xấu ác gì trong tam giáo ư?

Hàn Dũ còn nói: “Một người làm nông mà sáu người ăn, như vậy làm sao dân không nghèo khổ và tệ hại trộn cấp được”. Ấy chính là cho hàng Tăng sĩ Phật giáo không cày cấy mà ăn, gây ra sự nghèo khổ cho dân và sinh tệ hại trộn cấp vậy. Hay không nghĩ ở đời hạng người không cày cấy mà ăn, đâu chỉ riêng hàng Tăng sĩ Phật giáo ư? Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử rằng: “Kinh Thi nói: Chẳng ngồi không mà ăn vậy. Quân tử không cày cấy mà ăn là sao?” Mạnh tử nói: “Quân tử đứng đầu Quốc gia, nên Quân tử mà sử dụng thì đất nước được an ổn, giàu có tôn vinh, và con em Họ theo Anh hiếu để trung tín”, không ăn chay, giữ gìn việc đó. Nay tôn Phật làm thầy, chẳng ngồi không mà ăn, im lặng thì thành thật, nói năng thì hiền thiện, dẫn đến khuyên người bỏ ác hướng đến tốt lành, mọi người lấy đó khuyến hóa nhau khắc kỷ, giữ gìn trai giới, mến thích sự sống, ngăn dứt sự giết hại, tụng Kinh niệm Phật, sửa tâm đổi hành vi làm nhân từ, làm hiếu hạnh, làm cung kính. Như người hằng

ngày có điều lành mà chẳng tự biết thì không ăn chay. Có gì lớn hơn việc ấy ư! Vậy sự khốn khổ và tệ hại trộm cắp trong Dân có quan hệ gì với Phật giáo chẳng? Kinh Thi nói: “Tiểu Đông đại đông, then chốt ở Hản”. Truyện nói: “Dân có hiện tượng Đói kém, ngoài Đông có kẻ chết đói. Đó là sự khốn cùng của Dân vậy”. Thời ấy ở Trung Quốc không có Phật. Kinh Thư nói: “Trộm muông sinh của thần kỳ, dùng thuần muông để mong cầu”. Phó Dịch lại nói: “Trộm cắp không thể gạn hỏi và dứt tuyệt, lại cũng không thể ngăn cấm sự trộm cắp trong dân”, thời đó ở Trung Quốc không có Phật vậy. Khoảng niên hiệu Trinh Quán thời vua Thái Tông, Phật giáo rất thanh hành, tăng ni nhiều không thể tính kể, thực dụng rất rộng rãi mà ngoài dân chẳng đóng cửa hiệu, chẳng than lo lương thực. Sao thời ấy Dân không khốn cùng không trộm cắp? Khoảng niên hiệu Khai Nguyên thời Vua Minh Hoàng, tăng sĩ Phật giáo càng đông nhiều. Tăng ni không giảm bớt so với thời Trinh Quán và sự thực dụng cũng không giảm đi so với thời Trinh Quán. Trong thời ấy ở thiên hạ mọi việc tham lam, phá hoại, trộm cắp đều dứt tuyệt, sao bấy giờ dân không khốn cùng, không trộm cắp ư? Vậy biết rằng dân khốn khổ và trộm cắp quyết chẳng phải do Phật giáo gây ra. Nếu hản nói có Phật mà dân khốn cùng, sao như thời vua Thành thạc không có Phật mà cũng có nạn khốn cùng? Nếu như nói có Phật mà Dân sinh trộm cắp, thì thời Lý Khương tử không có Phật mà vẫn có nạn trộm cắp ư?. Khổng tử chẳng muốn thưởng ban kẻ chẳng trộm cắp. Vì sao lại nhiều người xuất gia ư?

Hàn Dũ lại nói: ”Bỏ cả Vua tôi, bỏ cả cha con”. Ấy là chỉ cho người xuất gia mà nói vậy, tiếc rằng không nghĩ Tử Lăng xác láo với Quang võ mà cày cấy ở Phú Xuân, Âu Dương Công ca ngợi đó là sự thanh bạch của bậc thánh, còn chưa từng nói là Vua tôi. Thái bá bỏ Thái Vương mà trốn đến Hình Man, Khổng tử khen là đức cao thật, mà chưa từng nói là bỏ cả cha con. Lấy đó để so sánh thì Phật đâu có gì quá lắm ư? Hướng gì cát ái xuất gia, không phải chỉ riêng làm cho bản thân mình được tốt. Khi thành Đạo chứng quả, sẽ hóa độ khắp tất cả chúng sinh. Trong kinh Pháp Hoa nói rằng: “Ta và tất cả chúng sinh đều cùng thành Phật đạo”, hướng gì đối với Vua tôi cha con ư? Nên đối với Vua của người thường chẳng qua hết mực cung kính và tin thuận mà trong Phật giáo đối với Vua, với cha thì có thể dùng Chánh Pháp để khuyến hóa. Đối với Con em của người thường chẳng qua là rất mực mến thương còn con em trong Phật giáo thì có thể dùng chánh Đạo để chỉ dạy cho. Vua Diệu trang nghiêm là Vua cha của Bồ-tát Dược Vương, nhờ Dược Vương xuất

gia nên Vua Diệu Trang Nghiêm cũng xuất gia, nhân đó mà được đoán trước là sẽ thành Phật đạo. La-hầu-la là Trưởng tử trong dòng họ Thích, từ sự Đức Thế tôn Thích Ca xuất gia mà La-hầu-la cũng xuất gia, nhân chứng đắc mật hạnh mà được đoán trước sẽ là thành Chánh giác. Từ đó mà quán xét thì người xuất gia đâu cô phụ Vua tôi cha con ư? Hướng gì tâm của người thì có thân sơ mà Tâm Phật thì không thân sơ, tâm của người thường có hạn lượng mà Tâm Phật thì không hạn lượng. Người thường biết có Vuacha của chính mình mà Phật thì không khác vậy, nên trong Kinh Viên Giác nói: “Xem kẻ oan gia như cha mẹ mình”. Người thường chỉ biết có con cháu của mình, mà Phật thì không phân biệt vậy, nên trong Kinh Hoa nghiêm nói: “Xem tất cả chúng sinh bình đẳng như con một”. Tâm lượng như vậy, Hàn Dũ làm sao hiểu thấu nổi!

Hàn Dũ lại nói: “Đạo Phật cấm tương sinh dưỡng”. Há chẳng nói cưới vợ gả chồng do đó sinh ra dưỡng nuôi con cháu. Phật răn cấm nữ sắc, do đó mà cấm sự sinh ra và nuôi dưỡng. Thật là không biết, Phật giáo chế giới tự có đốn tiệm, đâu từng khiến mọi người là người trượng phu rộng lượng, mọi người là những người nữ oán thù. Nếu vì người xuất gia mà nói Giới Bồ-tát thì gọi là “Lìa phi phạm hạnh”. Vì người tại gia mà nói giới Ưu-bà-tắc thì gọi là “Lìa tà dâm”. Lìa phi phạm hạnh tức là dứt hẳn dâm dục, lìa tà dâm tức chẳng xâm phạm đến vợ người. Trong kinh Bát-nhã nói: “Bồ-tát dứt bỏ dục, xuất gia tu hành phạm hạnh chứng được Bồ-đề”. Kinh Lăng-nghiêm chép: “Tâm dâm chẳng dứt bỏ thì không thể ra khỏi trần lao”. Nếu người không dứt bỏ dâm dục mà tu hành thiền định thì như nấu cát đá mà mong thành cơm, dù trải qua nhiều kiếp cũng chỉ gọi đó là nấu cát. Đó là vì người tu giới Bồ-tát mà nói vậy. Trong Kinh Sinh Thiên Thập thiện nói: “Trọn đời không tà dâm, cho nên được sinh lên cõi trời”. Luận Tỳ-bà-sa chép: “Nếu chế phục vợ mình thì các hàng Vua chúa, tể quan, trưởng giả không thể xả bỏ vợ con của chính mình. Phật chỉ răn dạy không xúc phạm vợ người khác”. Đó là vì người giữ giới ưu-bà-tắc mà nói vậy. Chỉ ở Nho giáo lập giáo răn cấm đối với sắc, cũng do đó mà răn cấm nữ sắc, chứ chẳng răn người cưới vợ, thật khế hợp với quan Tư Đồ giáo dục nhân luân, thì gọi là “chồng vợ có sự riêng biệt”, nhà nhà vẽ họa treo nghĩa khí ấy ở trong nhà, thì gọi là “chồng chồng vợ vợ”. Tốt lành thay! Sống Hán thì hàng Hảo Hán đi qua, còn người nữ thì không thể mong cầu suy nghĩ. Nhìn cửa nên theo dấu chân Lân thì hàng Công tử ở thời đại suy bại không phạm phi lễ. Đó đều gọi là không xúc phạm đến vợ người khác vậy. Đó tức là sự răn cấm không tà dâm của Phật giáo vậy. Nên Cư Sĩ

Duy-ma-cật cũng có vợ con nhưng thường có tâm xa lìa. Trong Kinh Lăng-nghiêm chép: “Người đối với vợ con mình mà chưa thể xa lìa, thì được Phước sinh lên các cõi trời. Đâu từng cấm ngăn đạo sinh ra và nuôi dưỡng.

Hàn Dũ lại nói: “Sao có việc xả bỏ đạo thánh nhân, bỏ pháp của Tiên Vương mà theo giáo lý của bọn mọi rợ để cầu phước lợi”. Xem xét lời của Hàn Dũ thì Hàn Dũ rất không biết gì về Phật giáo. Bởi vì Phật dạy người, cho người học Phật. Phật giáo đâu nhọc lòng khư khư đối với nơi Phước lợi? Phật vì một việc nhân duyên lớn nên xuất hiện ở đời, chúng ta cũng vì một việc nhân duyên lớn nên quy hướng về Phật. Điều gì Phật khen ngợi thì nương theo đó mà thực hành. Điều gì Phật răn cấm thì tuân theo mà gìn giữ. Từ quyền mà đến thật, từ tiệm mà đến đốn, mong để rõ tâm thấy tánh, vượt thoát sinh tử, đạt đến Phật quả, vậy phước lợi gì ư? Nên nói về năm thừa Phật giáo thì: Nhân thừa nghĩa là giữ được năm giới thì phước báo sẽ được làm người. Thiên thừa nghĩa là tu được mười điều lành thì phước báo được sinh lên cõi trời. Hai thừa này, có thể nói là phước lợi vậy. Còn ba thừa sau thì phải dùng lý quán, không thể nói là phước lợi. Lý của ba thừa cố nhiên không dễ nói. Nói về dấu tích thô phù thì địa vị của Thanh Văn Duyên Giác chẳng qua là giai vị dừng nghỉ, phải đạt đến giai vị Phật Bồ-tát, sau đó mới là chỗ cao tốt của lý. Người xưa nói: Phật là quả vị cùng cực, nghĩa là muôn thiện muôn lý trong thiên hạ, thì đạt đến Phật quả là cùng cực vậy. Người học Phật ngày nay là mong đạt đến cái cùng cực ấy, vậy phước lợi là gì ư? Chu Mẫn Yêm khi nói về Phật giáo cũng cho rằng: “Vì Phật giáo có thuyết không tịch, cho nên chẳng hệ lụy đối với vật dục, thì mọi hiền sĩ ở đời đều ham thích vậy. Vì Phật giáo có thuyết huyền diệu nên chẳng dính mắc nơi hình tướng, thì những người trí ở đời đều vui thích. Vì Phật giáo có thuyết sinh tử luân hồi nên tự cho rằng có thể không trầm luân trong tội khổ, thì bao kẻ tội tổ xâm mình, cắt tóc, trộm cướp cũng khúm núm mà nương theo. Như cái gọi là phước lợi mà Hàn Dũ nói chính là điều mà Chu Mẫn Yêm nói là tội tổ tội xâm mình, cắt tóc, trộm cướp cũng nương theo như vậy. Hàn Dũ không biết Phật là như vậy mà ngang nhiên phỉ báng Phật, chính như con chó của đất Việt không biết tuyết và con chó của đất thực không biết mặt trời mà cứ sủa cũng vậy.

